

SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY

SUMARY FINANCIAL STATEMENT

2007

I. BALANCE SHEET

No.	Items	Beginning balance	Ending balance
I.	Current assets	139,351,928,992	279,387,544,774
1	Cash and cash equivalent	7,697,981,175	2,668,098,737
2	Short-term financial investments		
3	Short-term receivables	35,124,027,138	107,483,217,974
4	Inventories	87,086,602,174	162,919,612,864
5	Other current assets	9,443,318,505	6,316,615,199
II	Long-term assets	78,492,716,434	103,773,138,064
1	Long-term receivables		
2	Fixed assets	51,481,425,066	64,095,131,651
	- Tangible fixed assets	48,694,525,541	37,691,511,413
	- Intangible fixed assets	1,102,645,092	1,063,306,973
	- Financial lease fixed assets		
	- Construction in progress expenses	1,684,254,433	25,340,313,265
3	Property investment		
4	Long-term financial investments	11,060,000,000	25,460,000,000
5	Other long-term assets	15,951,291,368	14,218,006,413
III	TOTAL ASSETS	217,844,645,426	383,160,682,838
IV	Liabilities	104,445,535,241	220,215,797,164
1	Current liabilities	104,445,535,241	219,715,797,164
2	Long-term liabilities		500,000,000
V	Owner's equity	113,399,110,185	162,944,885,674
1	Capital source and funds	106,909,656,978	158,797,131,375
	- Owner's investment capital	60,000,000,000	79,000,000,000
	- Share premium		34,200,000,000
	- Treasury stock		(175,370,000)

	- Difference in assets revaluation		
	- Foreign exchange difference		
	- Funds	31,909,656,978	33,834,208,786
	- Retained after-tax profit	15,000,000,000	11,938,292,589
	- Capital for construction work		
2	Other resources and funds	6,489,453,207	4,147,754,299
	- Bonus and welfare fund	6,489,453,207	4,147,754,299
	- Expenditure resources		
	- Financial resources for fixed asset		
VI	TOTAL RESOURCES	217,844,645,426	383,160,682,838

II. INCOME STATEMENT

No.	Items		2007	2006
1	Revenue of sales and services		999,763,571,406	925,197,008,975
2	Deductions			
3	Net sales and services		999,763,571,406	925,197,008,975
4	Costs of goods sold		920,116,076,433	846,115,984,827
5	Gross profit		79,647,494,973	79,081,024,148
6	Financial income		3,870,481,132	1,069,485,657
7	Financial expenses		12,771,437,872	6,532,595,242
8	Selling expenses		33,983,098,101	35,613,590,103
9	General & administration expenses		9,179,460,542	9,685,006,711
10	Net operating profit		27,583,979,590	28,319,317,749
11	Other incomes		194,320,218	3,799,815,458
12	Other expenses		7,087,136	224,747,718
13	Other profit		187,233,082	3,575,067,740
14	Profit before tax		27,771,212,672	31,894,385,489
15	Corporate income tax		276,426,139	313,744,605
16	Profit after tax		27,494,786,533	31,580,640,884
17	EPS (VND/share)		4,238	5,263

III. BASIC FINANCIAL ITEMS

Items	Unit	2007	2006
Assets Structure	%		
- Fixed assets / Total assets		16.73	23.63
- Current assets / Total assets		72.92	63.97
Equity structure	%		
- Total liabilities / Total resources		57.47	47.94
- Owners' equity / Total resources		42.53	52.06
Liquidity	Lần		
- Quick ratio		0.53	0.50
- Current ratio		1.27	1.33
Profitability	%		

- Profit before tax / Total assets		7.25	14.64
- Profit after tax / Net sales		2.75	3.41
- Profit after tax / Owners' equity		16.87	27.85

* Note : Financial statement was audited by AASCS

Soc Trang City, March 04th, 2008

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

HỒ QUANG TRÍ

TÔ MINH CHĂNG

DƯƠNG NGỌC KIM

BẢNG PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2006 (Dự kiến)

Lợi nhuận trong năm 2006 được phân phối như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỈ LỆ	SỐ TIỀN
I/	Tổng lợi nhuận thực hiện được:		31,894,385,489
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		313,744,605
II/	Lợi nhuận sau thuế:		31,580,640,884
	Được phân phối như sau:		
1)	Quỹ dự phòng tài chính	5%	1,579,032,044
2)	Quỹ đầu tư phát triển	30%	9,474,192,265
3)	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	4,737,096,133
4)	Cổ tức được phép chia (Được tính bằng 25% x vốn điều lệ)		15,000,000,000
5)	Phần được thưởng của HĐQT và BKS		395,000,000
6)	Phần còn lại bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển		395,320,442

TÓM TẮT

1) Quỹ đầu tư phát triển	9,869,512,707
2) Quỹ dự phòng tài chính	1,579,032,044
3) Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,737,096,133

4) Cổ tức được phép chia (25% trên mệnh giá cổ phiếu)	15,000,000,000
5) Phần được thưởng của HĐQT và BKS	395,000,000

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 01 năm 2007

CHỦ TỊCH HĐQT

HỒ QUỐC LỰC